

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2025/DS-ST
Ngày: 29/4/2025
“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Ông Võ Thanh Nhàn;

2. Ông Ngô Văn Được.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Trọng Khiêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại hai điểm cầu:

- Điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới;

- Điểm cầu thành phần: Trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C.

T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1198/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Thành D, sinh năm 1968; địa chỉ thường trú: khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: số A V, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Cao Phước T1, sinh năm 1985; địa chỉ: khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Anh T2, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Thành D cho rằng:

Do có mối quan hệ quen biết, ông D có cho ông T1, bà T2 vay nhiều lần. Cụ thể:

- Lần thứ nhất, vào ngày 12/3/2019, ông D cho ông T1 và bà T2 vay số tiền 550.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2,5%/tháng, thỏa thuận thời gian trả 180 ngày kể từ ngày 12/3/2019 đến ngày 12/9/2019, mục đích vay để lấy vốn kinh doanh cửa hàng Thiện Thi, ông T1 và bà T2 là người trực tiếp nhận tiền và trực tiếp trả lãi cho ông D như thỏa thuận.

- Lần thứ hai, vào ngày 12/6/2021, ông T1 và bà T2 vay của ông Danh số tiền 240.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 90 ngày kể từ ngày 12/6/2021 đến ngày 12/9/2021, mục đích vay để lấy vốn kinh doanh, ông T1 và bà T2 trực tiếp nhận tiền và trả lãi với ông D như thỏa thuận.

- Lần thứ ba, vào ngày 12/01/2022, ông T1 và bà T2 vay ông Danh số tiền 620.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 180 ngày kể từ ngày 12/01/2022 đến ngày 12/7/2022, mục đích vay để lấy vốn kinh doanh, ông T1 và bà T2 trực tiếp nhận tiền và trả lãi với ông D như thỏa thuận.

Bà T2 và ông T1 trả lãi cho ông D đến 8/2024 thì ngưng cho đến nay, số tiền lãi đã nhận không nhớ cụ thể. Tất cả các biên nhận do ông D chuẩn bị nội dung, ông T1 đại diện ký tên. Ông D đã nhiều lần yêu cầu ông T1 và bà T2 trả cho ông Danh số tiền đã vay 1.700.000.000 đồng và tiền lãi nhưng ông T1 và bà T2 không trả mà hẹn nhiều lần. Vì vậy, ông D yêu cầu bà Nguyễn Thị Anh T2 và ông Cao Phước T1 có nghĩa vụ trả cho ông Danh số tiền vay 1.700.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Tờ tự khai của ông Võ Thành D; Các Hợp đồng vay mượn tiền ngày 12/3/2019, 12/6/2021, 12/01/2022 và các biên nhận ngày 12/3/2019, 21/6/2021, 12/01/2022 và ngày 12/6/2024 (đã đối chiếu bản chính).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Anh T2, ông Cao Phước T1 cùng cho rằng, thống nhất với lời trình bày của ông D về quá trình giao kết cũng như thực hiện việc vay tài sản. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông T1, bà T2 đồng ý trả số tiền theo yêu cầu khởi kiện của ông D.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Anh T2 vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Ông D và ông T1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T2 đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành D, buộc bà Nguyễn Thị Anh T2 và ông Cao Phước T1 có nghĩa vụ trả cho ông Danh số tiền 1.700.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về mối quan hệ tranh chấp:* Bà T2, ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Võ Thành D khởi kiện yêu cầu ông T1 và bà T2 trả số tiền vay 1.700.000.000 đồng, ông T1 và bà T2 cư trú trên địa bàn huyện C nên yêu cầu kiện của ông D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở, ông T1, ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông D yêu cầu xin xét xử vắng mặt, ông T1 vắng mặt không rõ lý do. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 và ông D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:*

Ông D, bà T2 và ông T1 đều xác định, ông T1, bà T2 có vay tiền tiền nhiều lần của ông D với tổng số tiền 1.700.000.000 đồng, mục đích vay để dùng trong sinh hoạt gia đình, có thỏa thuận lãi suất, việc vay có làm biên nhận nợ do ông T1, bà T2 có ký nhận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T2, ông T1 không trả vốn và có trả lãi suất đến khoảng tháng 8/2024 thì ngưng. Do đó, có căn cứ xác định bà T2, ông T1 có vay của ông Danh số tiền 1.700.000.000 đồng nhưng chưa thanh toán.

[6] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Do bà T2, ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay theo thỏa thuận nên việc ông D khởi kiện bà T2, ông T1 có nghĩa vụ trả số tiền 1.700.000.000 đồng. Xét thấy, ông T1 và bà T2 thừa nhận có vay tiền nhiều lần của ông D, có làm biên nhận do ông D chuẩn bị nội dung, có ký tên và ghi họ tên. Đồng thời, ông T1 và bà T2 xác định do mất khả năng thanh toán số nợ vay và đồng ý trả số tiền 1.700.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông D là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Đối với yêu cầu tính lãi suất: Ông D không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T1, bà T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho ông Danh số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành D.

Buộc ông Cao Phước T1, bà Nguyễn Thị Anh T2 có nghĩa vụ trả cho ông Võ Thành D số tiền 1.700.000.000 (một tỷ bảy trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Cao Phước T1, bà Nguyễn Thị Anh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 63.000.000 (sáu mươi ba triệu) đồng.

Ông Võ Thành D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho ông Võ Thành D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 31.500.000 (ba mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023355, ngày 14/10/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới cấp.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Lắm